TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2018
"V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Kim Thanh;

2. Bà Nguyễn Ngọc Dung.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà: Ông Võ Văn Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 609/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/QĐXX-HNGĐ ngày 27/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ L, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Số 338, khu phố P, phường T, thị xã A, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1978; Hộ khẩu thường trú: số 176/3, ấp G , xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/9/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L trình bày: Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Huỳnh Công T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/01/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ sau thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống nhưng không có hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do ông T thường xuyên chơi cờ bạc dẫn tới nợ nần nhiều người, không có

khả năng trả nợ. Bà L và gia đình nhiều lần phải đứng ra trả nợ cho ông T. Ngày 30/6/2016 bà L có nộp đơn xin ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, trong quá trình hòa giải ông T hứa sẽ không chơi cờ bạc và sẽ quan tâm đến vợ con nên bà L đã rút đơn khởi kiện về nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, ông T vẫn không thay đổi, vẫn tiếp tục chơi cờ bạc, những chủ nợ còn xuống nhà mẹ của bà L để đòi nợ. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Như Y, sinh ngày 20/01/2011. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Công T đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Toà án đã triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để làm việc, công khai chứng cứ, hòa giải đoàn tụ và tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên toà, nguyên đơn rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung vì cho rằng ông T không có điều kiện cấp dưỡng, bà L chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T và giao con chung cho bà L nuôi dưỡng. Bà L cũng không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Huỳnh Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Công T có địa chỉ thường trú tại ấp G, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Huỳnh Công T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện (nay là thị xã) C, tỉnh Bình Dương vào ngày 20/01/2010, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà L cho rằng giữa bà và ông T

không còn yêu thương nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân, nguyên nhân do ông T thường xuyên chơi cờ bạc, bà L đã nhiều lần tha thứ nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T vẫn không thay đổi nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Kết quả xác minh ngày 17/11/2017 thể hiện: Ông Huỳnh Công T có địa chỉ thường trú tại ấp Bến G, xã A, thị xã C, tỉnh Bình Dương; địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới tranh chấp về ly hôn giữa bà L và ông T vì các đương sự không thông báo cho địa phương được biết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thị xã Bến Cát đã tiến hành triệu tập ông T đến Toà để hoà giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án. Qua đó cho thấy lời trình bày của bà L là có căn cứ, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến vợ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho các bên ly hôn để trả tự do cho nhau.

[4] Về con chung: Bà L và ông T có 01 con chung tên Huỳnh Như Y, sinh ngày 20/01/2011. Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con."

Xét thấy, hiện nay cháu Huỳnh Như Y đang sống chung cùng bà L, ngoài ra ông T thường không có mặt tại nhà và cũng không tranh chấp về quyền nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử thấy việc giao cháu Y cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ bảo đảm về quyền lợi mọi mặt của cháu Y và phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc rút yêu cầu của bà L là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Bà L có quyền khởi kiện vụ án khác để yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung; bị đơn vắng mặt và không tranh chấp gì về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Mỹ L đối với bị đơn ông Huỳnh Công T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Bà Đỗ Thị Mỹ L được ly hôn với ông Huỳnh Công T.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Như Y, sinh ngày 20/01/2011 cho bà Đỗ Thị Mỹ L trực tiếp nuôi dưỡng.

Đình chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Đỗ Thị Mỹ L.

Bà Đỗ Thị Mỹ L và ông Huỳnh Công T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/0016469 ngày 15/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát;
- Ủy ban nhân dân xã Phú An, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VT.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phương